

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Khai thác, đánh bắt hải sản

Mã ngành, nghề: 6620305

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: (năm học) 3 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Khai thác, đánh bắt hải sản trình độ cao đẳng là ngành, nghề chuyên sử dụng ngư cụ, tàu thuyền và trang thiết bị trên tàu để khai thác nguồn lợi hải sản trên biển.

Người làm nghề Khai thác, đánh bắt hải sản thực hiện các công việc thiết kế, thi công ngư cụ; lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng các thiết bị điện tử trên tàu cá; quản lý khai thác hải sản; quản lý cảng cá, có thể được bố trí làm thủy thủ hoặc quản lý trên các tàu khai thác hải sản. Làm việc tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh ngư cụ, thiết bị điện tử trên tàu cá, có thể làm việc tại Ban quản lý cảng cá và các cơ quan quản lý về nghề cá.

Các vị trí làm việc chủ yếu của nghề: Thiết kế ngư cụ; Thi công ngư cụ; Lắp đặt, vận hành thiết bị điện tử hàng hải trên tàu cá; Khai thác hải sản bằng lưới rê; Khai thác hải sản bằng lưới vây; Khai thác hải sản bằng lưới kéo; Khai thác hải sản bằng lưới chụp; Khai thác hải sản bằng lồng bẫy; Khai thác hải sản bằng câu vàng; Khai thác hải sản bằng câu tay; Dịch vụ hậu cần nghề cá; Quản lý khai thác hải sản; Quản lý cảng cá.

Điều kiện và môi trường làm việc của nghề thường xuyên làm việc trên biển, điều kiện làm việc luôn bị tác động bởi các yếu tố tự nhiên. Người hành nghề khai thác, đánh bắt hải sản cần có sức khỏe tốt, chịu được sóng gió, có đạo đức, yêu nghề, yêu tổ quốc, phải có ý thức chấp hành pháp luật. Đối với công việc thuộc lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, thường xuyên tiếp xúc với khách hàng đòi hỏi người làm nghề ngoài việc nắm chắc kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề, còn phải rèn luyện tác phong thận trọng, chính xác, khả năng giao tiếp khéo léo, thuyết trình chuyên nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cao đẳng khai thác đánh bắt hải sản được xây dựng nhằm mục tiêu đào tạo người học trở thành người lao động có tay nghề trong lĩnh vực khai thác đánh bắt hải sản; có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc; có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- + Trình bày được cấu tạo và cách tính toán để thi công các dụng cụ khai thác, đánh bắt hải sản
- + Trình bày được các tính năng hàng hải chủ yếu của tàu thuyền
- + Trình bày được cấu tạo, tác dụng của các trang thiết bị thuộc bộ phận boong trên tàu cá
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động của các máy điện, vô tuyến điện hàng hải trên tàu cá
- + Phân tích được các bước tiến hành trong quá trình khai thác, đánh bắt hải sản bằng các nghề cụ thể
- + Vận dụng được các quy định an toàn lao động trên tàu cá
- + Trình bày được phương pháp kiểm tra chất lượng và bảo quản sản phẩm sau khi khai thác, đánh bắt;
- + Đánh giá được công tác vệ sinh trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản;
- + Trình bày được cách tổ chức sản xuất và hạch toán kinh tế trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản.

- Kỹ năng:

- + Lắp ráp thành thạo vàng lưới và các trang thiết bị
- + Điều khiển tàu thuận thực khi tàu hành trình và khai thác, đánh bắt hải sản
- + Sử dụng thành thạo các trang thiết bị thuộc bộ phận boong trên tàu cá
- + Sử dụng thành thạo các máy điện, vô tuyến điện hàng hải trên tàu cá
- + Thao tác thuận thực các công việc trong quá trình khai thác, đánh bắt hải sản
- + Thực hiện đúng các quy định an toàn lao động trên tàu cá
- + Kiểm tra chính xác được chất lượng của sản phẩm và bảo quản tốt sản phẩm sau khi khai thác, đánh bắt
- + Thực hiện được công tác vệ sinh trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản

+ Tổ chức được sản xuất và hạch toán kinh tế trên các tàu khai thác, đánh bắt hải sản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng tiếp nhận công việc nghề Khai thác, đánh bắt hải sản, giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong quá trình làm việc

+ Chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc của mình và trách nhiệm với nhóm

+ Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên khác

+ Tuân thủ tuyệt đối và có trách nhiệm nhắc nhở đồng nghiệp chấp hành các quy định về công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Thiết kế ngư cụ
- Thi công ngư cụ
- Lắp đặt, vận hành thiết bị điện tử hàng hải trên tàu cá
- Khai thác hải sản bằng lưới rê
- Khai thác hải sản bằng lưới vây
- Khai thác hải sản bằng lưới kéo
- Khai thác hải sản bằng lưới chụp
- Khai thác hải sản bằng lồng bẫy
- Khai thác hải sản bằng câu vàng
- Khai thác hải sản bằng câu tay
- Dịch vụ hậu cần nghề cá
- Quản lý khai thác hải sản
- Quản lý cảng cá.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2505 (giờ)
- Số lượng môn học, mô đun: 31
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 (giờ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2070 (giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 907 (giờ); thực hành, thực tập: 1467 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Sử dụng tiếng anh giao tiếp cơ bản
2	NLCB-02	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
3	NLCB-03	Áp dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật
4	NLCB-03	Áp dụng các kiến thức về an ninh quốc phòng
5	NLCB-05	Duy trì sức khỏe
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
6	NLCL-01	Đọc hiểu các bản vẽ
7	NLCL-02	Đọc hồ sơ kết cấu tàu, phân biệt các kết cấu tàu
8	NLCL-03	Đọc và kiểm tra được các thông số của mạch vô tuyến điện
9	NLCL-04	Dự đoán cần thiết về các yếu tố khí tượng thủy văn để dẫn tàu an toàn.
10	NLCL-05	Phát hiện, nhận biết ý nghĩa của các đèn hiệu, dấu hiệu và tín hiệu được phát ra từ các tàu khác trong khi hành trình.
11	NLCL-06	Vận dụng Luật và các quy định liên quan.
12	NLCL-07	Xác định được các ngư trường khai thác hải sản chính ở Việt Nam
13	NLCL-08	Thành thạo các công việc về thủy nghiệp cơ bản trên tàu
14	NLCL-09	Thành thạo các công việc về thi công, lắp ráp, sửa chữa ngư cụ
15	NLCL-10	Vận hành các máy khai thác hiện có trên tàu
16	NLCL-11	Xác định vị trí tàu trong các điều kiện khác nhau bằng Địa văn.
17	NLCL-12	Bảo đảm các quy định về an toàn phương tiện, an toàn lao động
18	NLCL-13	Vận hành, khai thác, bảo dưỡng được các trang thiết bị máy móc điện Hàng hải
19	NLCL-14	Đánh giá, phân loại và bảo quản tốt sản phẩm sau thu hoạch
20	NLCL-15	Hỗ trợ điều động được tàu ra vào cầu, neo tàu, buộc tàu cũng như hành hải an toàn trong mọi điều kiện thời tiết

21	NLCL-16	Làm huấn thực các bước kỹ thuật khai thác lưới rê trên tàu cá.
22	NLCL-17	Làm huấn thực các bước kỹ thuật khai thác lưới vây trên tàu cá.
23	NLCL-18	Làm huấn thực các bước kỹ thuật khai thác lưới chụp trên tàu cá.
24	NLCL-19	Áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế trên tàu thực tập
III	Năng lực nâng cao (Tự chọn)	
25	NLNC-01	Khắc phục được sự cố trên biển một cách có hiệu quả.
26	NLNC-02	Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của thuyền viên trên tàu cá.
27	NLNC-03	Thực hiện được quy trình thông tin liên lạc hàng hải
28	NLNC-04	Phân tích được nguồn lợi thủy sản Việt Nam, các nguyên nhân cơ bản làm suy giảm nguồn lợi và nắm được những biện pháp cơ bản bảo vệ nguồn lợi

6. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
MH1	Ngoại ngữ (Anh văn)	5	120	42	72	6
MH2	Tin học	3	75	15	58	2
MH3	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH4	Chính trị	4	75	41	29	5
MH5	Giáo dục QP - An ninh	3	75	36	35	4
MH6	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học đào tạo nghề	90	2070	750	1212	108
II.1	Các môn học kỹ thuật cơ sở	34	705	301	358	46
MH 07	Họa hình, Vẽ kỹ thuật	3	60	28	28	4
MH 08	Nguyên lý tàu thuyền	2	30	28	0	2

MH 09	Cơ sở kỹ thuật điện và vô tuyến điện	4	90	30	54	6
MH 10	Khí tượng thủy văn	3	60	28	28	4
MH 11	Quy tắc phòng ngừa và chạm tàu thuyền trên biển	4	75	42	28	5
MH 12	Pháp luật chuyên ngành	3	45	42	0	3
MH 13	Ngư trường và ngư loại	3	60	28	28	4
MH 14	Nghiệp vụ thuyền viên	6	150	30	112	8
MH 15	Vật liệu và chế tạo ngư cụ	6	135	45	80	10
II.2	Các môn học chuyên môn nghề	45	1155	333	773	49
MH 16	Máy khai thác	3	60	28	28	4
MH 17	Hàng hải địa văn	6	120	56	56	8
MH 18	An toàn lao động	3	60	30	25	5
MH 19	Máy điện và vô tuyến điện hàng hải	4	90	30	54	6
MH 20	Bảo quản và sơ chế sản phẩm hải sản	3	60	28	28	4
MH 21	Điều động tàu	5	90	56	28	6
MH 22	Khai thác hải sản bằng lưới rê	3	60	30	26	4
MH 23	Khai thác hải sản bằng lưới vây	3	60	30	26	4
MH24	Khai thác mực bằng lưới chụp	3	60	30	26	4
MH 25	Sử dụng máy xác định vị trí tàu bằng vệ tinh	2	45	15	26	4
MH 26	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	450	0
II.3	Môn học tự chọn	11	210	116	81	13
MH 27	Xử lý sự cố hàng hải	3	60	30	25	5
MH 28	Chức trách thuyền viên	2	30	28	0	2
MH 29	Sử dụng máy đo sâu, dò cá	2	45	15	28	2
MH 30	Sử dụng máy thông tin liên lạc	2	45	15	28	2
MH 31	Môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	2	30	28	0	2
Tổng cộng		109	2505	907	1467	131

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Hướng dẫn giảng dạy các môn học chung

- Các môn học chung: Người học phải hoàn thành trong chương trình đào tạo. Các môn học này có thể được bố trí học ghép theo khoa, theo nhóm ngành tùy theo điều kiện cụ thể.

- Môn học điều kiện: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng –An ninh là các môn học bắt buộc được bố trí giảng dạy cho người học trong chương trình nhưng chỉ làm điều kiện để xét tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học tập theo học kỳ, năm học và khóa học.

7.2. Các môn học, mô đun đào tạo nghề

- Các môn học, đơn vị năng lực bắt buộc phải được bố trí học theo từng kỳ phù hợp.

- Các năng lực tự chọn do Trưởng khoa đề xuất nếu có sự thay đổi so với các môn học, mô đun đã ghi trong chương trình đào tạo..

- Chương trình đào tạo có sự tương tác chặt chẽ giữa người dạy và người học, người dạy không chỉ đơn thuần là người truyền đạt kiến thức mà còn là người hướng dẫn và hỗ trợ người học trong quá trình học tập và phát triển bản thân.

7.3. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện sinh viên;
- Tham gia các hoạt động Đoàn – Hội;
- Tham gia các Câu lạc bộ;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các đơn vị sản xuất;
- Triển khai các chuyên đề mới.

7.4. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô đun

- Thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun theo quy chế đào tạo hiện hành.

- Điểm môn, mô đun học bao gồm: Điểm trung bình các bài kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi có trọng số 0,6.

7.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Cao đẳng chính quy

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo qui định hiện hành.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Thi lý thuyết nghề được tổ chức theo hình thức thi viết với thời gian thi không quá 180 phút hoặc thi vấn đáp với thời gian cho 1 học sinh không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)

+ Thi thực hành nghề được tổ chức theo hình thức thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 8 giờ.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	- Lý thuyết nghề	- Tự luận - Vấn đáp	- Không quá 180 phút - Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời)
2	-Thực hành nghề	- Thực hành	- Từ 1 đến 8 giờ.



Lê Hoàng Bá Huyền

